

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6647/09-25

Mã mẫu: 2509NC001 (001/09-25) Trang : 1/1

**Đơn vị yêu cầu** : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM  
**Địa chỉ lấy mẫu** : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CÙ CHI  
Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Cù Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh  
**Ngày lấy (nhận) mẫu** : 03/09/2025 **Ngày trả kết quả**: 16/09/2025  
**Thời gian lưu mẫu** : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả  
**Loại mẫu** : Nước cấp  
**Mô tả mẫu** : Nước trong  
**Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, các hoạt động bình thường  
**Ký hiệu/vị trí lấy mẫu** : NC1 Lấy tại đầu mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,86	6,0-8,5
2	Mùi	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục <sup>(b)</sup>	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
4	Độ màu <sup>(b)</sup>	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
5	Độ kiềm (tính theo CaCO <sub>3</sub> ) <sup>(c)</sup>	mg/L	SMEWW 2320 B: 2023	19	-
6	Clo dư <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G:2023	0,41	0,2-1,0
7	Chỉ số KMnO <sub>4</sub> <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	E.coli <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Coliform <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

**Ghi chú:**

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

**PHÒNG THỬ NGHIỆM**  
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

**KT GIÁM ĐỐC**  
Phó Giám đốc  
TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG  
HOÀNG VĂN TÍN

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6648/09-25

Mã mẫu: 2509NC002 (001/09-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu

: XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC  
DỊCH VỤ THUYẾT LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu

: TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI  
Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh

Ngày lấy (nhận) mẫu

: 03/09/2025 Ngày trả kết quả: 16/09/2025

Thời gian lưu mẫu

: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu

: Nước cấp

Mô tả mẫu

: Nước trong

Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu/vị trí lấy mẫu

: NC2 Lấy tại giữa mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,92	6,0-8,5
2	Mùi	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục <sup>(b)</sup>	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
4	Độ màu <sup>(b)</sup>	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
5	Độ kiềm (tính theo CaCO <sub>3</sub> ) <sup>(c)</sup>	mg/L	SMEWW 2320 B: 2023	16	-
6	Clo dư <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,35	0,2-1,0
7	Chỉ số KMnO <sub>4</sub> <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	E.coli <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Coliform <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT GIÁM ĐỐC

Phó Giám đốc

HOÀNG VĂN TÍN



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 6649/09-25

Mã mẫu: 2509NC003 (001/09-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu

: XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC  
DỊCH VỤ THUY LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu

: TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỬ CHI  
Phan Văn Khải, ấp Trạm Bơm, xã Củ Chi, Thành Phố Hồ Chí Minh

Ngày lấy (nhận) mẫu

: 03/09/2025

Ngày trả kết quả: 16/09/2025

Thời gian lưu mẫu

: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu

: Nước cấp

Mô tả mẫu

: Nước trong

Điều kiện lấy mẫu

: Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu/vị trí lấy mẫu

: NC3 Lấy tại cuối mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01-1:2024/BYT
1	pH <sup>(b)</sup>	-	TCVN 6492:2011	6,81	6,0-8,5
2	Mùi	-	TCVN 2653:1978	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục <sup>(b)</sup>	NTU	SMEWW 2130.B:2023	0,0	2
4	Độ màu <sup>(b)</sup>	Pt-Co	SMEWW 2120.C:2023	KPH MDL=5,0	15
5	Độ kiềm (tính theo CaCO <sub>3</sub> ) <sup>(c)</sup>	mg/L	SMEWW 2320 B: 2023	15	-
6	Clo dư <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500- Cl.G:2023	0,32	0,2-1,0
7	Chỉ số KMnO <sub>4</sub> <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6186:1996	KPH MDL=0,5	2
8	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N) <sup>(b)</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH MDL=0,03	1
9	Asen (As) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3114.B:2023	KPH MDL=0,0007	0,01
10	<i>E.coli</i> <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1
11	Coliform <sup>(b)</sup>	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)	KPH MDL=1	<1

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

